TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/DS - ST
Ngày 17 tháng 8 năm 2023
V/v:"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Lê Thị Tâm**
Các hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Quang Tùng và bà Hà Thị Hòa**
Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2023/TLST- HNGĐ ngày 09/02/2023 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST- HNGĐ ngày 02/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm: 1982 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*),
2. Bị đơn: Anh Hà Như C, sinh năm: 1978 (*vắng mặt không có lý do*);

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/01/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Hà Như C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2001, vì nhiều lý do nên đến ngày 30/8/2006 vợ chồng mới đến Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện Thường Xuân để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình

chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C có quan hệ ngoài luồng, dẫn đến vợ chồng cãi cọ nhau, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, anh C bỏ đi làm ăn xa. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Như C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Hà Thị V, sinh ngày 16/12/2001 và cháu Hà Thị Kiều T, sinh ngày 17/01/2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành có sức khỏe lao động bình thường nên các cháu ở với ai là tùy các cháu, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản; công nợ: Chị Vi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương để giao giấy triệu tập, niêm yết các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các loại văn bản tố tụng khác cho anh C đến Tòa án để làm việc nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do.

Tại các Biên bản xác minh ngày 21/3/2023 thể hiện: Hiện nay anh Hà Như C đang có hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã T2, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, anh C chưa chuyển đi đâu, hiện nay anh C đi làm ăn không có mặt tại địa phương. Bà Ngân Thị M mẹ đẻ anh C cho biết, vợ chồng cháu T và C cưới nhau vào năm 2001, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn cãi vả nhau. Cháu C đã bỏ đi làm ăn xa, mỗi lúc làm ăn một nơi, bà cũng không biết cụ thể hiện nay cháu làm ở đâu. Cháu C vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà, bà M đã thông báo cho con trai bà Hà Văn C biết việc cháu T làm đơn xin ly hôn cháu C. Nay cháu T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với cháu C, bà M đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà đã nhận thủ tục Tòa án giao và cam kết thông báo cho cháu C biết về việc cháu T làm thủ tục ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh C không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T nên thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo cố tình lẫn tránh vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về trình tự thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều

228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 21, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị T được ly hôn với anh Hà Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Hà Thị V, sinh ngày 16/12/2001 và cháu Hà Thị Kiều T, sinh ngày 17/01/2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành chị T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản; công nợ: Chị Vi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị Vi Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa chị Vi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt anh Hà Như C, Tòa án đã tống đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật, tại trụ sở UBND xã T1, huyện Thường Xuân, nơi cư trú của anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Vi Thị Tcó đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân yêu cầu ly hôn với anh Hà Như C, anh C vắng mặt, Tòa án đã tống đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 277 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Vi Thị T và anh Hà Như C, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn nên chị Thu và anh C đã đi làm ăn, mỗi người một không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành xác minh trực tiếp với chính quyền địa phương về hộ khẩu của anh C và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C trong quá trình chung sống. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị T và anh C đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly

hôn của chị Vi Thị T.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Hà Thị V sinh ngày 16/12/2001 và cháu Hà Thị Kiều T, sinh ngày 17/01/2004. Căn cứ vào trích lục khai sinh của các con; xác nhận thông tin về cư trú đủ cơ sở xác định cháu Hà Thị V và cháu Hà Thị Kiều T là con chung của chị T và anh C. Hiện nay các cháu đã trưởng thành có sức khỏe lao động bình thường, các cháu ở với ai là quyền các cháu chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4].*Về tài sản; công nợ*: Chị Vi Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Hà Như C, Tòa án đã giao, tống đạt niêm yết các loại giấy tờ tố tụng theo quy định. Anh C thường xuyên liên lạc về với gia đình, gia đình anh C đã thông báo cho anh biết về việc chị T xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn cố tình trốn tránh không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, anh C đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Như vậy, anh C đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, anh không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh C phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Chị Vi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273; Điều 21; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 3; Điều 5; Điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định "*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,*
quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị T

Về hôn nhân: Chị Vi Thị T được ly hôn anh Hà Như C

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Hà Thị V, sinh ngày 16/12/2001 và cháu Hà Thị Kiều T, sinh ngày 17/01/2004. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành có sức khỏe lao động bình thường, các cháu ở với ai là quyền các cháu chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản; công nợ: Chị Vi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số: 0015516 ngày 09/02/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, chị T đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Chị Vi Thị T, anh Hà Như C được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *VKSND huyện Thường Xuân;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Chi cục THADS H. Thường Xuân;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã Tân Thành;*
- *Lưu HSVA.*

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Tâm